

CHƯƠNG I:

MỘT SỐ CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KINH TẾ ĐẦU TƯ

1. ĐẦU TƯ VÀ PHÂN LOẠI ĐẦU TƯ

1.1 Định nghĩa về đầu tư :

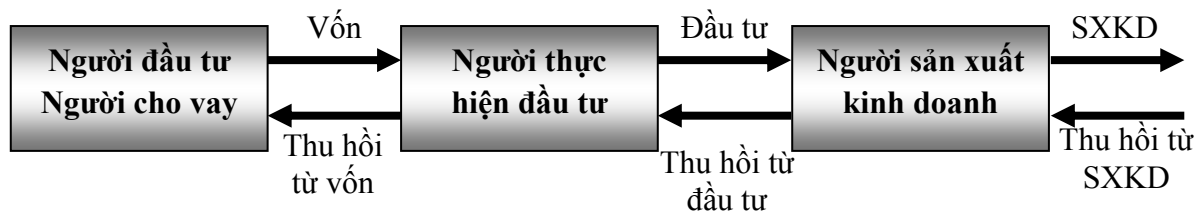
+ Theo quan điểm của doanh nghiệp:

“Đầu tư là hoạt động bỏ vốn kinh doanh với mục tiêu thu được số vốn lớn hơn số đã bỏ ra, thông qua lợi nhuận”

+ Theo quan điểm của Nhà nước:

“Đầu tư là hoạt động bỏ vốn phát triển, để từ đó thu được các hiệu quả kinh tế xã hội, vì mục tiêu phát triển quốc gia”

Đầu tư: quá trình sử dụng nguồn lực nhằm đạt được mục đích của các đối tượng liên quan



Hình 1.1: Chu trình luân chuyển vốn trong hoạt động đầu tư

1.2 Phân loại đầu tư :

1.2.1 Phân loại theo chủ đầu tư :

- *Chủ đầu tư là nhà nước:* đây là trường hợp đầu tư các công trình có qui mô lớn (các công trình phát triển cơ sở hạ tầng, các công trình phát triển an ninh quốc phòng, kinh tế xã hội,...). Thường các công trình này được đầu tư từ các nguồn ngân sách Nhà nước nên chủ đầu tư là Nhà nước.
- *Chủ đầu tư là các doanh nghiệp:* gồm các doanh nghiệp hạch toán độc lập, doanh nghiệp nhà nước hoặc liên doanh liên kết.
- *Chủ đầu tư là các tư nhân:* có đủ tư cách pháp nhân và hoạt động trên cơ sở pháp luật qui định.

1.2.2 Phân loại theo nội dung kinh tế :

- *Đầu tư vào lao động:* Nhằm gia tăng số lượng, chất lượng nguồn lao động cho việc sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp thông qua các chương trình nhân sự.
- *Đầu tư vào tài sản cố định:* Nhằm phát triển mở rộng, nâng cao các tài sản cố định để tăng cường năng lực sản xuất kinh doanh cho doanh nghiệp thông qua các hoạt động mua sắm, xây dựng cơ bản.
- *Đầu tư vào tài sản lưu động:* Nhằm gia tăng nguồn vốn hoạt động cho doanh nghiệp thông qua việc sử dụng một phần vốn dài hạn để bổ sung và mở rộng quy mô vốn lưu động.

1.2.3 Phân loại theo mục tiêu đầu tư :

- Đầu tư mới
- Đầu tư cải tạo mở rộng và hiện đại hoá cơ sở sẵn có
- Đầu tư chiến lược để chuyển dịch cơ cấu kinh tế quốc dân hoặc cơ cấu sản phẩm, thị trường của cơ sở sản xuất kinh doanh.
- Đầu tư ra bên ngoài liên doanh với các cơ sở trong và ngoài nước.

1.2.4 Phân loại theo mức độ tham gia quản lý của chủ đầu tư vào đối tượng đầu tư:

- *Đầu tư gián tiếp(đầu tư tài chính):* Mua cổ phiếu, chứng khoán, trái khoán... để được hưởng lợi tức, người bỏ vốn không tham gia trực tiếp vào quản trị công việc kinh doanh.
- *Đầu tư trực tiếp:* Người bỏ vốn trực tiếp tham gia quản trị kinh doanh, chia làm hai loại :
 - + *Đầu tư chuyển dịch:* Người bỏ vốn mua lại một số cổ phần đủ lớn để đủ quyền chi phối hoạt động của doanh nghiệp. Chỉ có sự dịch chuyển về quyền sở hữu, không có sự gia tăng tài sản của các doanh nghiệp.
 - + *Đầu tư phát triển:* Tạo nên những năng lực mới về lượng hay chất cho các hoạt động sản xuất, dịch vụ để làm phương tiện sinh lợi. Đầu tư phát triển có ý nghĩa lớn, biểu hiện cụ thể của tái sản xuất mở rộng, là biện pháp chủ yếu để cung cấp việc làm cho người lao động.
- *Đầu tư tín dụng:* Đầu tư bằng cách cho vay.

1.2.5 Phân loại theo sự phân cấp quản lý dự án (theo thẩm quyền quyết định hoặc cấp quản lý dự án (theo thẩm quyền quy định hoặc cấp giấy phép đầu tư):

Tuỳ theo tầm quan trọng và quy mô của dự án được phân thành 3 nhóm A,B,C theo Điều lệ quản lý đầu tư và xây dựng (Nghị định 16/2005/NĐ-CP ngày 7/2/2005 của Chính phủ về quy chế quản lý đầu tư và xây dựng).

1.2.6 Phân loại theo nguồn vốn:

Dự án đầu tư có thể phân chia thành dự án đầu tư có vốn huy động trong nước, dự án đầu tư có vốn huy động từ nước ngoài (vốn đầu tư trực tiếp và gián tiếp). Các công trình đầu tư theo nguồn vốn gồm:

- + Vốn ngân sách nhà nước
- + Vốn hỗ trợ phát triển chính thức ODA
- + Vốn tín dụng thương mại
- + Vốn huy động từ các DNNN
- + Vốn hợp tác liên doanh với nước ngoài của các doanh nghiệp
- + Vốn tự đóng góp của nhân dân vào các công trình phúc lợi
- + Vốn của các tổ chức ngoài quốc doanh

+ Vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài

Việc phân loại này cho thấy tình hình huy động vốn từ mỗi nguồn, vai trò của mỗi nguồn vốn đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của từng ngành, từng địa phương và toàn bộ nền kinh tế cũng như có các giải pháp thích hợp đối với việc quản lý các dự án đối với từng nguồn vốn huy động.

1.2.7 Phân loại theo vùng lãnh thổ (theo tỉnh, vùng kinh tế của đất nước):

Cách phân loại này cho thấy tình hình đầu tư của từng tỉnh, từng vùng kinh tế và ảnh hưởng của đầu tư đối với tình hình phát triển kinh tế - xã hội ở từng địa phương.

Ngoài ra trong thực tế, để đáp ứng yêu cầu quản lý và nghiên cứu kinh tế, người ta còn phân chia dự án đầu tư theo nhiều tiêu thức khác.

1.3 Các hình thức đầu tư :

1.3.1 Đối với đầu tư trong nước : Có các hình thức sau đây

- Doanh nghiệp nhà nước
- Công ty trách nhiệm hữu hạn
- Công ty cổ phần
- Công ty liên doanh
- Hợp tác xã
- Doanh nghiệp tư nhân

1.3.2 Đối với đầu tư nước ngoài : Có các hình thức sau đây

- Hợp tác kinh doanh trên cơ sở hợp đồng hợp đồng hợp tác kinh doanh
- Doanh nghiệp liên doanh
- Doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài

Ngoài ra các nhà đầu tư nước ngoài đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng có thể ký kết với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam.

- + Hợp đồng xây dựng – kinh doanh – chuyển giao (BOT)
- + Hợp đồng xây dựng – chuyển giao – kinh doanh (BTO)
- + Hợp đồng xây dựng – chuyển giao (BT)

1.4 Vốn đầu tư và nguồn vốn đầu tư

1.4.1 Khái niệm và vai trò của vốn đầu tư trong lĩnh vực đầu tư

❖ Khái niệm vốn đầu tư:

Trong bất kỳ một lĩnh vực sản xuất kinh doanh nào, yếu tố quyết định cả về qui mô, chất lượng, thị hiếu phụ thuộc rất lớn vào nguồn vốn đầu tư. Vậy vốn đầu tư được huy động từ đâu, số lượng là bao nhiêu? Đây là một vấn đề khá phức tạp. Hơn nữa, các hoạt động đầu tư thường cần một lượng vốn rất lớn. Nếu số vốn này được trích ra từ các cơ sở kinh doanh dịch vụ trong xã hội cùng một lúc thì sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh và sinh hoạt xã hội. Do đó, tiền vốn đầu tư chỉ có thể được huy động nhờ nguồn tích lũy của xã hội, của các cơ sở sản xuất kinh

doanh, tiền tiết kiệm được của nhân dân hoặc của nguồn vốn huy động của nước ngoài, vốn đi vay,... Vì vậy nguồn vốn đầu tư phát triển được khái niệm như sau:

- ♦ Vốn đầu tư là tiền tích lũy của xã hội, của các cơ sở sản xuất kinh doanh và dịch vụ, là tiền tiết kiệm và vốn huy động của các nguồn vốn khác được đưa vào sử dụng trong quá trình tái sản xuất xã hội nhằm duy trì tiềm lực sẵn có và tạo tiềm lực lớn hơn cho sản xuất kinh doanh dịch vụ, sinh hoạt xã hội và sinh hoạt trong mỗi gia đình.

- ♦ Vốn trong xã hội phục vụ phần lớn vào việc xây dựng cơ sở hạ tầng, cơ sở phúc lợi, cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ, nâng cao chất lượng và qui mô cả về bề rộng lẫn chiều sâu của các cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ trong xã hội.

Hai bộ phận cơ bản của vốn đầu tư là:

- + Vốn cố định được dùng để xây dựng công trình, mua sắm máy móc và thiết bị để hình thành nên tài sản cố định của dự án đầu tư.

- + Vốn lưu động (vốn hoạt động) bao gồm chủ yếu là dự trữ vật tư, sản xuất dở dang, vốn tiền mặt,... theo dự kiến và được dùng cho quá trình vận hành khai thác các tài sản cố định của dự án trong suốt quá trình tồn tại của dự án sau này.

Tóm lại: Vốn phần lớn được chi dùng vào việc tái sản xuất mở rộng, nhằm mục đích phát triển và tăng trưởng nền kinh tế - xã hội của đất nước.

❖ Vai trò của vốn đầu tư và nguyên tắc quản lý sử dụng:

Hoạt động đầu tư là một trong những lĩnh vực chuyển hóa của nền kinh tế và được coi là một bộ phận vận hành của nền sản xuất vật chất xã hội, để từ đó tạo nên tiền đề cơ sở vật chất và điều kiện sản xuất kinh doanh sinh lợi. Về mục tiêu đầu tư thường được xét trên 2 góc độ cơ bản sau:

- ♦ Xét theo góc độ vĩ mô: Quyết định đầu tư phải gắn liền với tầm phát triển chung của nền kinh tế đất nước về các mặt kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng, văn hóa xã hội, môi trường sinh thái...

- ♦ Xét theo góc độ vi mô: Quyết định đầu tư cần xuất phát từ những mục tiêu cụ thể, nhất là về mặt tài chính với mục đích cơ bản là mang lại hiệu quả kinh tế thiết thực.

Xuất phát từ những góc độ trên đây khi xem xét đầu tư nguồn vốn vào các dự án, chủ đầu tư cần căn cứ vào mục tiêu cơ bản hay vì lợi ích kinh tế để có những quyết định đầu tư nguồn vốn cho phù hợp.

1.4.2 Các nguồn vốn và nguyên tắc sử dụng

Mục đích hoạt động đầu tư là nhằm phát triển kinh tế - xã hội. Muốn hoạt động đầu tư có hiệu quả thì cần phải có nguồn vốn đầu tư ban đầu. Vậy nguồn vốn cho lĩnh vực đầu tư được huy động và hình thành từ đâu và đầu tư các nguồn vốn đó vào

lĩnh vực nào để đạt được hiệu quả cao nhất? Chính phủ đã ban hành nguyên tắc quản lý và sử dụng các nguồn vốn đầu tư phát triển như sau:

❖ Vốn ngân sách nhà nước: Nguồn vốn này sử dụng đầu tư phát triển theo kế hoạch của nhà nước, bao gồm:

- ♦ Các dự án xây dựng, các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng. Tuy nhiên đầu tư vào lĩnh vực này thường không có khả năng thu hồi vốn.
- ♦ Đầu tư và hỗ trợ cho các doanh nghiệp nhà nước, góp vốn cổ phần liên doanh vào các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực cần thiết, có sự tham gia của nhà nước theo qui định của pháp luật.
- ♦ Chi phí cho quỹ hỗ trợ đầu tư quốc gia và các quỹ hỗ trợ phát triển đối với các chương trình, dự án phát triển kinh tế thuộc ngân sách Trung ương.

❖ Vốn tín dụng ưu đãi của nhà nước dùng để đầu tư: Đối với các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế, các cơ sở sản xuất tạo việc làm, các dự án đầu tư quan trọng của Nhà nước trong từng thời kỳ (điện, xi măng, sắt thép,...) và một số dự án khác của các ngành có khả năng thu hồi vốn đã được xác định trong cơ cấu kế hoạch của Nhà nước. Việc bố trí đầu tư cho dự án này do Chính phủ quyết định cho từng đối tượng theo từng kỳ kế hoạch.

❖ Vốn thuộc các khoản vay nước ngoài của chính phủ và các nguồn vốn viện trợ quốc tế dành cho đầu tư phát triển kể cả ODA: Nguồn vốn này được bổ sung vào ngân sách Nhà nước để quản lý và sử dụng đúng mục đích như luật định đối với việc sử dụng nguồn vốn ngân sách Nhà nước.

❖ Nguồn thuộc quỹ hỗ trợ đầu tư quốc tế và các quỹ khác của nhà nước: Nguồn vốn này dùng cho các lĩnh vực đầu tư và phát triển theo đúng kế hoạch.

❖ Vốn tín dụng thương mại: Dùng để đầu tư thương mại mới để cải tạo, mở rộng đối với kỹ thuật công nghệ của các dự án sản xuất kinh doanh, dịch vụ có hiệu quả, có khả năng thu hồi vốn và có điều kiện vay vốn theo qui định hiện hành. Vốn này được áp dụng theo cơ chế tự vay, tự trả và được thực hiện đầy đủ các thủ tục đầu tư và vay trả vốn.

❖ Vốn đầu tư của các doanh nghiệp Nhà nước: Vốn này được thu từ các nguồn khấu hao cơ bản, vốn tích lũy từ lợi nhuận sau thuế và vốn tự huy động. Nó được dùng để đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh, nâng cao chất lượng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm. Nhà nước đã có qui định cho các doanh nghiệp phải sử dụng đúng các qui chế, chế độ quản lý vốn đầu tư hiện hành. Các tổ chức đại diện cho Nhà nước như Ngân hàng có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra chặt chẽ đảm bảo việc sử dụng vốn đúng mục đích và có hiệu quả.

❖ **Vốn hợp tác liên doanh:** Trong quá trình đổi mới nền kinh tế, Việt nam đã ban hành Luật đầu tư. Nguồn vốn hợp tác liên doanh được hình thành do các bên tham gia đàm phán, góp vốn đầu tư tại Việt nam. Trong trường hợp các dự án có sử dụng mặt đất, mặt nước thì phải được Nhà nước Việt nam chấp thuận để làm các thủ tục hoàn vốn cho Nhà nước theo qui định hiện hành.

❖ **Vốn do chính quyền cấp tỉnh và cấp huyện huy động:** Nguồn vốn này được huy động do sự đóng góp của các tổ chức hoặc cá nhân trên tinh thần tự nguyện dùng để xây dựng các kết cấu cơ sở hạ tầng công trình phúc lợi. Việc quản lý nguồn vốn này phải được công khai, có kiểm tra, kiểm soát đảm bảo sử dụng đúng nội dung, mục đích và thực hiện việc sử dụng đầu tư theo qui định hiện hành.

❖ **Vốn đầu tư của các tổ chức kinh tế không thuộc các doanh nghiệp nhà nước hoặc của nhân dân:** Trong trường hợp này chủ đầu tư phải lập thủ tục trình cơ quan có thẩm quyền xem xét cấp giấy phép kinh doanh, giấy phép xây dựng và giấy phép sử dụng mặt bằng xây dựng.

❖ **Vốn đầu tư của các doanh nghiệp nước ngoài vào Việt nam:** theo Luật đầu tư nước ngoài tại Việt nam. Hiện nay nước ta đang khuyến khích ưu tiên cho các lĩnh vực sau:

- + Chế biến hàng xuất khẩu
- + Đầu tư phát triển vào các khu vực miền núi, nông thôn.
- + Sử dụng công nghệ cao, hiện đại và bảo vệ môi trường.
- + Sử dụng và thu hút lao động
- + Xây dựng các công trình phát triển cơ sở hạ tầng

❖ **Vốn đầu tư của các cơ quan ngoại giao, các tổ chức quốc tế:** Nguồn vốn này được quản lý theo Hiệp định hoặc thỏa thuận đã ký kết giữa Chính phủ Việt nam và các tổ chức nước ngoài. Việc đầu tư nguồn vốn này phải tuân thủ theo đúng pháp luật Việt nam.

2. KINH TẾ ĐẦU TƯ:

2.1 Định nghĩa về kinh tế đầu tư :

Kinh tế đầu tư là khoa học cung cấp những kiến thức và kinh nghiệm thực tiễn về đầu tư, để Nhà nước thực hiện quản lý điều tiết vĩ mô nền kinh tế đạt hiệu quả cao nhất về mặt kinh tế - xã hội. Nó cũng giúp cho các chủ đầu tư thực hiện được kế hoạch đầu tư của mình đạt được hiệu quả cao nhất.

Vì vậy kinh tế đầu tư được xem như một bộ phận của kinh tế xí nghiệp, có nội dung chính là tiến hành nghiên cứu soạn thảo, tính toán và đánh giá dự án đầu tư hoặc chọn chương trình đầu tư hỗn hợp trong nhiều phương án khả thi để có được một sự đầu tư tối ưu.

Chức năng của kinh tế đầu tư là thiết lập tính toán nghiên cứu, phán đoán những yếu tố tiềm năng đang có trong giai đoạn kế hoạch của quá trình sản xuất kinh doanh sẽ được đầu tư qua các dự án (khác với kinh tế xí nghiệp là tiến hành nghiên cứu quá trình sản xuất các xí nghiệp đang hoạt động)

2.2 Sự phát triển của khoa học kinh tế đầu tư :

Sự phát triển của khoa học kinh tế đầu tư gắn liền với sự phát triển của trào lưu các học thuyết kinh tế và quá trình phát triển sản xuất xã hội.

Có thể chia quá trình phát triển kinh tế đầu tư theo các giai đoạn chính sau đây :

1/ Giai đoạn thứ nhất :

Giai đoạn kinh tế đầu tư chịu ảnh hưởng của các học thuyết kinh tế tư sản cổ điển, mà đại diện của các trào lưu này là Adam Smith (1723-1790) và David Ricardo (1772-1823)

Trong giai đoạn này kinh tế đầu tư chịu tác động lớn của học thuyết về “bàn tay vô hình”, tức:

- + Cơ chế thị trường tự điều tiết của Adam Smith
- + Chính sách tự do hoá mậu dịch trong quá trình phân công và trao đổi quốc tế của David Ricardo.

2/ Giai đoạn thứ hai:

Kinh tế đầu tư phát triển trong nền kinh tế thị trường tự do mà đặc trưng của nó là xem quyền tư hữu là nền tảng đời sống kinh tế xã hội, lợi ích cá nhân là động lực thúc đẩy hoạt động của con người, tích ích kỷ là yếu tố kích thích hữu hiệu nhất giúp cho các chủ thể kinh tế có những quyết định hợp lý, thích nghi về sản xuất, kinh doanh, trao đổi, tiêu thụ sản phẩm theo nguyên tắc: chi phí tối thiểu, thu được lợi ích tối đa (cực đại hoá lợi nhuận). Họ coi cơ chế tự do kinh tế hoàn toàn là môi trường hợp lý cần thiết đưa tới sự hoà hợp giữa các loại lợi ích và bảo đảm nền kinh tế ở trạng thái quân bình tự động không có sự can thiệp của Nhà nước.

3/ Giai đoạn thứ ba:

Kinh tế đầu tư tồn tại trong nền kinh tế hỗn hợp, tất cả các hoạt động kinh tế đều chịu tác động từ hai phía: tác động của cơ chế thị trường và sự điều tiết của Nhà nước.

Tiêu biểu cho giai đoạn này là Nhà kinh tế tư sản John Maynard Keynes (1883-1946).

Nước ta hiện nay phát triển một nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa có sự quản lý của Nhà nước. Vì vậy ngoài các quy luật của cơ chế thị trường còn chịu tác động các quy luật kinh tế cơ bản của học thuyết kinh tế

chính trị Mac-Lênin. Đây là vấn đề khoa học còn mới mẻ, đòi hỏi chúng ta phải tiếp tục nghiên cứu, phát triển và hoàn thiện không ngừng để góp phần đẩy mạnh sự nghiệp phát triển kinh tế -xã hội nước ta trong tương lai.

2.3 Vai trò của kinh tế đầu tư:

Kinh tế đầu tư có vai trò to lớn trong nền kinh tế quốc dân, biểu hiện qua các mặt sau

1/ Kinh tế đầu tư là một trong những mặt hoạt động kinh tế cơ bản của Nhà nước, có tác động quyết định đến sự phát triển kinh tế của mỗi nước trong mọi thời kỳ.

Người ta thường sử dụng tổng GDP (Gross Domestic Product: tổng sản phẩm quốc nội) như một thước đo chủ yếu về quy mô và tốc độ tăng trưởng kinh tế của mỗi quốc gia, đồng thời trên một góc độ nhất định, nó còn là một trong những thước đo hiệu quả của toàn bộ nền kinh tế.

2/ Nhờ nắm vững kinh tế đầu tư mà quá trình đầu tư sẽ được đúng hướng, tạo ra sự chuyển biến cơ bản trong tăng trưởng, kinh tế phát triển một cách mạnh mẽ, ổn định và đạt hiệu quả cao.

3/ Đầu tư phát triển thúc đẩy khoa học, công nghệ phát triển, nhờ đó đẩy mạnh được sự nghiệp công nghiệp hoá và hiện đại hoá, phát triển văn hoá, giáo dục, y tế, tăng năng suất lao động, tăng việc làm, tăng thu nhập cho người lao động.

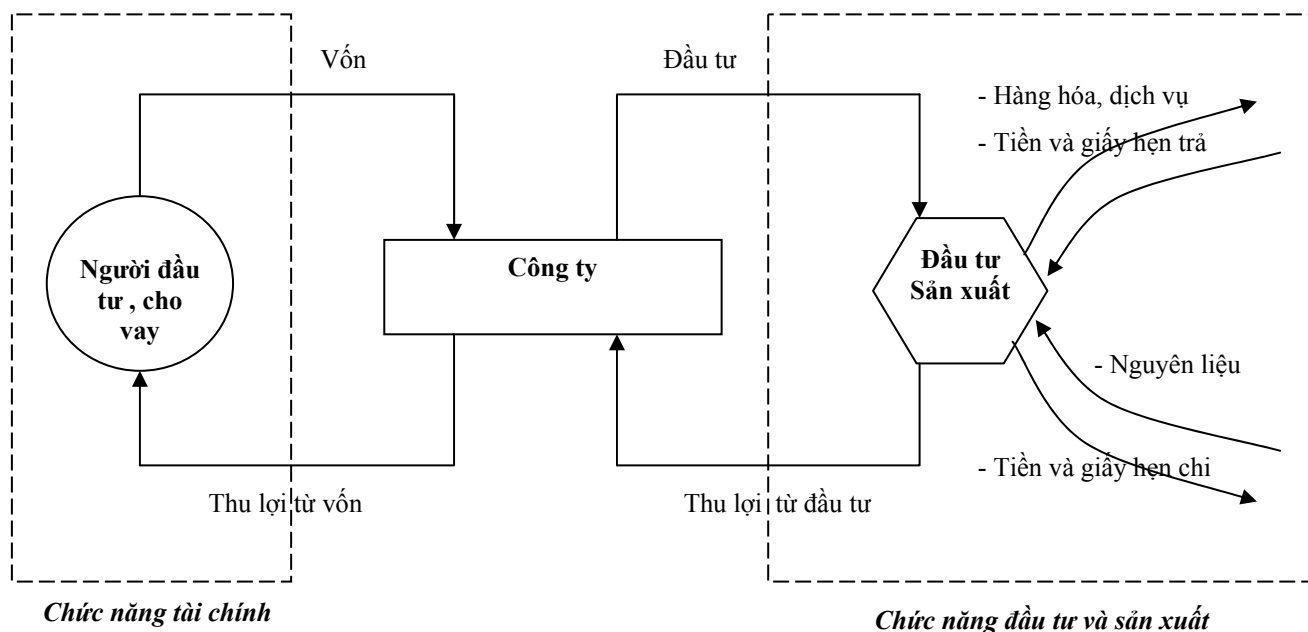
4/ Đầu tư đẩy mạnh việc xây dựng cơ sở hạ tầng, tạo điều kiện phát triển kinh tế mọi miền đất nước, góp phần đưa nông thôn, vùng xa, vùng nghèo tiến kịp các khu vực phát triển của đất nước, bảo đảm đời sống vật chất, tinh thần ngày được nâng cao của cả nước.

5/ Đầu tư phát triển mạnh mẽ cho phép chúng ta sử dụng có hiệu quả mọi tiềm năng, tài nguyên của đất nước.

6/ Đối với các doanh nghiệp, đầu tư là một trong 3 chức năng cơ bản của doanh nghiệp, là phương tiện chính để phát triển doanh nghiệp.

Trong một Công ty có 3 loại trao đổi các giá trị kinh tế chủ yếu. Chính 3 loại trao đổi đó xác định các chức năng cơ bản của nó. Đó là :

- + Trao đổi để huy động vốn cần thiết (chức năng tài chính)
- + Trao đổi để khai thác nguồn vốn có sẵn (chức năng đầu tư)
- + Trao đổi để đem lại thu nhập về tài chính dựa trên số vốn đã đầu tư (chức năng sản xuất)



a) Chức năng tài chính thể hiện ở các hoạt động huy động vốn từ các nhà đầu tư, người cho vay và hoàn trả cho họ từ những nguồn thu của Công ty.

Trên quan điểm phân tích kinh tế dự án, nguồn vốn của một công ty thường được chia thành 2 loại:

+ **Vốn cổ phần (equity funds)** được huy động qua việc phát hành cổ phiếu. Người mua cổ phiếu (hoặc người góp vốn) là người đầu tư và có quyền sở hữu một phần đối với Công ty. Phần lợi nhuận giữ lại (retaining earnings) trong phần lãi cổ phần (dividends) để mở rộng đầu tư cũng được gọi là vốn cổ phần.

+ **Vốn vay (borrowed funds)** được vay từ các ngân hàng, từ các công ty cho vay và có thể chấp (mortgage loan companies)... huy động qua việc phát hành trái phiếu (bonds) và các nguồn khác. Nói chung, đây là nguồn vốn của những người cho công ty sử dụng vốn để hưởng lãi tức chứ không có quyền sở hữu đối với Công ty.

b) Chức năng đầu tư và sản xuất thể hiện ở các hoạt động đầu tư và sản xuất của mỗi Công ty. Ở mỗi một thời kỳ, công ty thường có một số cơ hội đầu tư. Mỗi một cơ hội như vậy gọi là một dự án đầu tư hay đơn giản hơn là một dự án. Chức năng đầu tư là chức năng ra quyết định về các dự án đầu tư (lựa chọn hoặc gạt bỏ). Muốn thế, công ty phải phát hiện cơ hội đầu tư, ước lượng chi phí thu nhập, ước lượng những tổn thất và lợi ích của các hệ quả đầu tư không đánh giá được bằng tiền tệ, phân tích và lựa chọn dự án theo một tiêu chuẩn hiệu quả nào đó phù hợp với mục tiêu của Công ty. Ở mỗi một thời kỳ, công ty cũng thường có sẵn những dự án lựa chọn để thực hiện và đã bước vào giai đoạn khai thác. Các hoạt động sản

xuất là các hoạt động thường ngày trong sản xuất, thu, chi, bán hàng, thu lợi... từ các dự án đó.

2.4 Nội dung nghiên cứu của kinh tế đầu tư:

Nội dung nghiên cứu của kinh tế đầu tư gồm các vấn đề chính như sau :

1/ Nghiên cứu các vấn đề lý luận của quá trình phát triển kinh tế đầu tư.

2/ Quản lý vĩ mô của Nhà nước đối với quá trình đầu tư phát triển kinh tế và xã hội của đất nước, bao gồm cả quản lý pháp luật, xây dựng, phát triển chiến lược và kế hoạch đầu tư, tổ chức bộ máy quản lý đầu tư, quản lý tài chính, giá cả trong đầu tư quản lý khoa học, công nghệ và con người.

3/ Xây dựng phương pháp lập và đánh giá hiệu quả tài chính, kinh tế, xã hội và môi trường của dự án trong lĩnh vực đầu tư.

4/ Liên kết khu vực và toàn cầu hoá quá trình đầu tư, nâng cao hiệu quả đầu tư nước ngoài vào nước ta và đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài.

5/ Hướng dẫn, tổ chức, quản lý và kiểm soát quá trình đầu tư của các doanh nghiệp trong và ngoài nước tại Việt Nam.

3. TRÌNH TỰ ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG

Theo quy chế của Chính phủ về quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị định 16/2005/NĐ-CP ngày 7/2/2005 của Chính phủ về quy chế quản lý đầu tư và xây dựng, trình tự đầu tư và xây dựng bao gồm 3 giai đoạn:

a/ Chuẩn bị đầu tư

b/ Thực hiện đầu tư

c/ Kết thúc xây dựng, đưa công trình vào khai thác sử dụng

Các công việc trong giai đoạn thực hiện đầu tư và kết thúc xây dựng đưa công trình vào khai thác sử dụng có thể thực hiện tuần tự hoặc gói đầu, xen kẽ tùy theo điều kiện cụ thể của từng dự án do người có thẩm quyền quyết định đầu tư.

Đối với các dự án phải thu hồi vốn, chủ đầu tư có trách nhiệm thu hồi vốn và hoàn trả vốn đầu tư.

3.1 Nội dung công việc chuẩn bị đầu tư:

Nội dung công việc chuẩn bị đầu tư bao gồm :

1/ Nghiên cứu về sự cần thiết phải đầu tư và quy mô đầu tư

2/ Tiến hành tiếp xúc, thăm dò thị trường trong nước và ngoài nước để xác định nhu cầu tiêu thụ, khả năng cạnh tranh của sản phẩm, tìm nguồn cung ứng thiết bị, vật tư cho sản xuất, xem xét khả năng về nguồn vốn đầu tư và lựa chọn hình thức đầu tư.

3/ Tiến hành điều tra, khảo sát và chọn địa điểm xây dựng

4/ Lập dự án đầu tư

5/ Gửi hồ sơ dự án và văn bản trình đến người có thẩm quyền quyết định đầu tư, tổ chức cho vay vốn đầu tư và cơ quan thẩm định dự án đầu tư.

3.2 Nội dung thực hiện dự án đầu tư:

Nội dung thực hiện dự án đầu tư bao gồm :

1/ Xin giao đất hoặc thuê đất (đối với dự án có sử dụng đất)

2/ Xin giấy phép xây dựng (nếu yêu cầu phải có giấy phép xây dựng) và giấy phép khai thác tài nguyên (nếu có khai thác tài nguyên).

3/ Thực hiện việc đền bù giải phóng mặt bằng, thực hiện kế hoạch tái định cư và phục hồi (đối với các dự án có yêu cầu tái định cư và phục hồi), chuẩn bị mặt bằng xây dựng (nếu có);

4/ Mua sắm thiết bị và công nghệ.

5/ Thực hiện việc khảo sát, thiết kế xây dựng

6/ Thẩm định, phê duyệt thiết kế và tổng dự toán, dự toán công trình.

7/ Tiến hành thi công xây lắp

8/ Kiểm tra và thực hiện các hợp đồng

9/ Quản lý kỹ thuật, chất lượng thiết bị và chất lượng xây dựng.

10/ Vận hàng thử, nghiệm thu, quyết toán vốn đầu tư, bàn giao và thực hiện bảo hành sản phẩm.

3.3 Kết thúc xây dựng đưa dự án vào khai thác sử dụng:

Nội dung công việc phải thực hiện khi kết thúc xây dựng bao gồm :

1/ Nghiệm thu, bàn giao công trình

2/ Thực hiện việc kết thúc xây dựng công trình

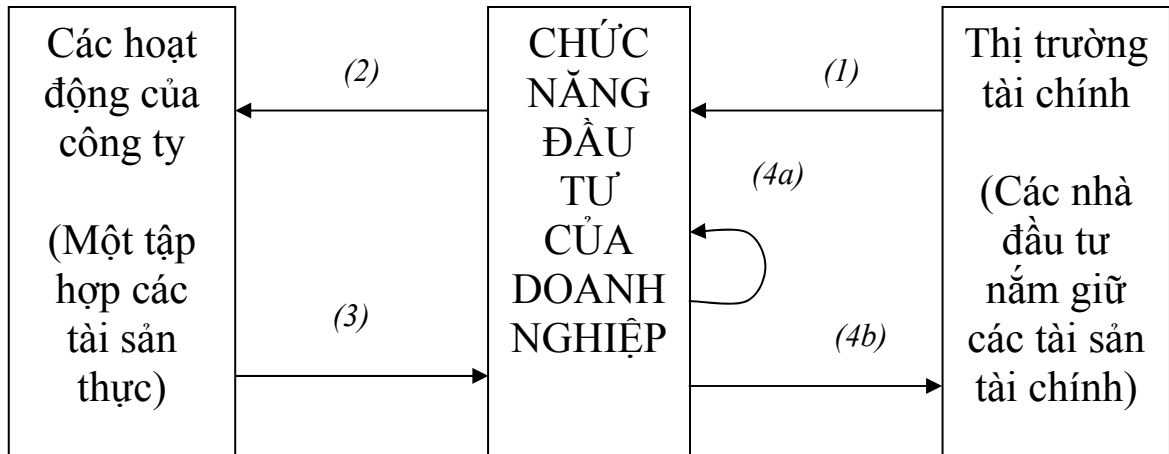
3/ Vận hành công trình và hướng dẫn sử dụng công trình

4/ Bảo hành công trình

5/ Quyết toán vốn đầu tư

6/ Phê duyệt quyết toán

Trong bài giảng này ta quan tâm chủ yếu đến các dự án đầu tư của các doanh nghiệp, là loại hình khá đặc trưng. Phương pháp lập, quản lý và thẩm định các loại hình khác được suy luận từ mô hình chung này. Ở quy mô doanh nghiệp, chức năng đầu tư có thể biểu diễn như sau :



Trong đó:

- (1) Tiền huy động bằng cách bán tài sản tài chính cho các nhà đầu tư
- (2) Tiền mặt đầu tư vào các hoạt động của Công ty và được sử dụng để mua các tài sản thực
- (3) Tiền thu được từ các hoạt động của Công ty
- (4a) Tiền được tái đầu tư, hoặc
- (4b) Tiền được trả lại cho các nhà đầu tư

Câu hỏi:

- 1. Vì sao muốn phát triển kinh tế, xã hội của đất nước thì cần phải tiến hành đầu tư?
- 2. Tại sao nói “Đầu tư là quá trình sử dụng nguồn lực nhằm đạt được mục đích của các đối tượng liên quan”
- 3. Bản chất của vốn đầu tư. Có thể huy động vốn đầu tư từ những nguồn nào?
- 4. Phân biệt khái niệm vốn đầu tư và nguồn vốn đầu tư?
- 5. Giải thích sơ đồ luân chuyển vốn trong đầu tư. Lấy một ví dụ về đầu tư và phân tích sự luân chuyển vốn theo sơ đồ này.

PHỤ LỤC THAM KHẢO

Phân loại dự án đầu tư của quy chế quản lý đầu tư và xây dựng

(Nghị định 16/2005/NĐ-CP ngày 7/2/2005 của Chính phủ về quy chế quản lý đầu tư và xây dựng). Các dự án đầu tư (không kể dự án đầu tư trực tiếp của nước ngoài) tùy theo tính chất, đặc điểm công nghệ, vị trí, diện tích chiếm đất, quy mô phát triển của từng dự án được phân loại thành 3 nhóm A, B, C theo các quy định sau đây

A. Dự án thuộc nhóm A là những dự án có một trong những điều kiện sau:

- a) Các dự án thuộc phạm vi bảo vệ an ninh, quốc phòng có tính chất bảo mật quốc gia, có ý nghĩa chính trị - xã hội quan trọng, thành lập và xây dựng hạ tầng khu công nghiệp mới - không kể mức vốn.
- b) Các dự án sản xuất chất độc hại, chất nổ không phụ thuộc quy mô đầu tư - không kể mức vốn.
- c) Các dự án: công nghiệp điện, khai thác dầu khí, chế biến dầu khí, hóa chất, phân bón, chế tạo máy (bao gồm cả mua và đóng tàu, lắp ráp ô tô), xi măng, luyện kim, khai thác, chế biến khoáng sản; các dự án giao thông: cầu, cảng biển, cảng sông, sân bay, đường sắt, đường quốc lộ - có mức vốn trên 600 tỷ đồng.
- d) Các dự án: Thủy lợi, giao thông (ngoài điểm A-c), cấp thoát nước và công trình kỹ thuật hạ tầng; kỹ thuật điện; sản xuất thiết bị thông tin, điện tử, tin học, hóa dược, thiết bị y tế, công trình cơ khí khác, sản xuất vật liệu, bưu chính viễn thông; BOT trong nước; xây dựng khu nhà ở; đường giao thông nội thị thuộc các khu đô thị đã có quy hoạch chi tiết được duyệt - có mức vốn trên 400 tỷ đồng.
- e) Các dự án: hạ tầng kỹ thuật của khu đô thị mới; các dự án: Công nghiệp nhẹ, sành sứ, thủy tinh, in; vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên, mua sắm thiết bị xây dựng; sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, nuôi trồng thủy sản; chế biến nông, lâm sản - có mức vốn 300 tỷ đồng.
- f) Các dự án: Y tế, văn hóa, giáo dục, phát thanh, truyền hình, xây dựng dân dụng, kho tàng, du lịch, thể dục thể thao, nghiên cứu khoa học và các dự án khác - có mức vốn trên 200 tỷ đồng.

B. Dự án thuộc nhóm B là những dự án có một trong những điều kiện sau:

- a) Các dự án: công nghiệp điện, dầu khí, hóa chất, phân bón, chế tạo máy (bao gồm cả mua và đóng tàu, lắp ráp ô tô), xi măng, luyện kim, khai thác, chế biến khoáng sản; các dự án giao thông: cầu, cảng biển, cảng sông, sân bay, đường sắt, đường quốc lộ - có mức vốn từ 30 đến 600 tỷ đồng.
- b) Các dự án: Thủy lợi, giao thông (ngoài điểm B-a), cấp thoát nước và công trình kỹ thuật hạ tầng; kỹ thuật điện; sản xuất thiết bị thông tin, điện tử, tin học, hóa dược, thiết bị y tế, công trình cơ khí, sản xuất vật liệu, bưu chính viễn thông; BOT trong

nước; xây dựng khu nhà ở; trường phổ thông, đường giao thông nội thị thuộc các khu đô thị đã có quy hoạch chi tiết được duyệt - có mức vốn từ 20 đến 400 tỷ đồng.

c) Các dự án: hạ tầng kỹ thuật của khu đô thị mới; các dự án: công nghiệp nhẹ, sành sứ, thủy tinh,, in; vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên, thiết bị xây dựng; sản xuất nông. lâm, ngư nghiệp, nuôi trồng thủy sản; chế biến nông, lâm sản - có mức vốn từ 15 đến 300 tỷ đồng.

d) Các dự án: Y tế, văn hóa, giáo dục, phát thanh, truyền hình, xây dựng dân dụng, kho tàng, du lịch, thể dục thể thao, nghiên cứu khoa học và các dự án khác - có mức vốn từ 7 đến 200 tỷ đồng.

C. Dự án thuộc nhóm C là những dự án có một trong những điều kiện sau:

a) Các dự án: công nghiệp điện, dầu khí, hóa chất, phân bón, chế tạo máy (bao gồm cả mua và đóng tàu, lắp ráp ô tô), xi măng, luyện kim, khai thác, chế biến khoáng sản; các dự án giao thông: cầu, cảng biển, cảng sông, sân bay, đường sắt, đường quốc lộ - có mức vốn dưới 30 tỷ đồng. Các trường phổ thông nằm trong quy hoạch - không kể mức vốn.

b) Các dự án: Thủy lợi, giao thông (ngoài điểm C-a), cấp thoát nước và công trình kỹ thuật hạ tầng; kỹ thuật điện; sản xuất thiết bị thông tin, điện tử, tin học, hóa dược, thiết bị y tế, công trình cơ khí, sản xuất vật liệu, bưu chính viễn thông; BOT trong nước; xây dựng khu nhà ở; trường phổ thông, đường giao thông nội thị thuộc các khu đô thị đã có quy hoạch chi tiết được duyệt - có mức vốn dưới 20 tỷ đồng.

c) Các dự án: hạ tầng kỹ thuật của khu đô thị mới; các dự án: công nghiệp nhẹ, sành sứ, thủy tinh,, in; vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên, thiết bị xây dựng; sản xuất nông. lâm, ngư nghiệp, nuôi trồng thủy sản; chế biến nông, lâm sản - có mức vốn từ dưới 15 tỷ đồng.

e) Các dự án: Y tế, văn hóa, giáo dục, phát thanh, truyền hình, xây dựng dân dụng, kho tàng, du lịch, thể dục thể thao, nghiên cứu khoa học và các dự án khác - có mức vốn dưới 7 tỷ đồng.